

Bản án số: 397/2020/HS-PT

Ngày: 17-8-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

2. Ông Bùi Đức Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân - Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 239/2020/TLPT-HS ngày 16/6/2020, đối với bị cáo Nguyễn Văn A, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2020/HSST, ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Văn A; Sinh năm 2000, tại tỉnh Kiên Giang; Nơi ĐKKHKT: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Mộng H; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/7/2019 đến nay, có mặt.

Người bào chữa: Ông Thân Trung Đại, Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật TNHH Nhân Tâm Lộc Phát, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/7/2019 Nguyễn Văn A sử dụng tài khoản tên “Chú Lùn” truy cập vào mạng xã hội Zalo thì thấy hình ảnh của bà I sử dụng tài khoản có tên “Em khác xưa”, có đeo nhiều đồ trang sức nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt tài

sản của bà I. Để thực hiện ý định trên, Nguyễn Văn A giả vờ làm quen, nhắn tin qua lại và rủ bà I đi uống cà phê để gặp mặt thì bà I đồng ý.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, A và bà I gặp nhau tại khu vực trước bệnh viện Triều An, thuộc quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận diện ra nhau thì A sử dụng xe mô tô biển số 68T1-497.40 chở bà I đến khách sạn Gold tại số 24 đường 2B, ấp 2, xã Tân Nhựt, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, A thuê phòng số 203 của khách sạn và cùng bà I vào bên trong phòng.

Sau khi vào phòng, A khóa cửa phòng, giữ lấy chìa khóa, rồi đến vị trí bà I đang ngồi trên giường, dùng tay đẩy bà I ngã xuống giường và nói mình là đối tượng chuyên buôn bán người qua Campuchia, nếu bà I không cho A quan hệ tình dục thì A sẽ bán bà I qua biên giới. A cởi 2 nút áo sơ mi của bà I đang mặc thì bị bà I đẩy ra và nói “Đang bị kinh nguyệt, không quan hệ tình dục được”, nhưng A tiếp tục đe dọa sẽ bán bà I qua biên giới và ép bà I nằm im. Do lo sợ đến tính mạng nên bà I tự cởi áo ngoài và áo ngực của mình ra, còn Nguyễn Văn A thì cởi quần dài, quần lót của bà I và tự cởi quần áo của A, rồi thực hiện hành vi giao cấu với bà I. Sau đó, Nguyễn Văn A đe dọa bà I: “Nếu không muốn bị bán qua Campuchia thì đưa hết vàng đeo trên người”, nhưng bà I không đồng ý. A tiếp tục hăm dọa và nói: “Muốn giữ vàng hay giữ mạng?”, rồi dùng tay tháo chiếc nhẫn của bà I đang đeo ở ngón tay giữa của bàn tay trái và 5 chiếc vòng đang đeo trên cổ tay trái của bà I. A tiếp tục tháo sợi dây chuyền trên cổ bà I nhưng không được, nên tiếp tục đe dọa và bà I lo sợ nên tự tháo sợi dây chuyền đưa cho A. Sau khi A bỏ đi khỏi khách thì bà I xuống quầy lễ tân báo cho chủ khách sạn là bà Hà Thị Mỹ J biết sự việc bị chiếm đoạt tài sản và kể lại vụ việc cho người trong gia đình nghe.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản của bà I thì A điều khiển xe đến tiệm vàng Thanh Vân, tại địa chỉ E7/33 ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bán toàn bộ số vàng chiếm đoạt được, với số tiền 10.800.000 đồng. A dùng số tiền trên trả nợ cho bạn hết 2.200.000 đồng và đến tiệm vàng Quốc Khánh tại địa chỉ G16/20B đường Trần Đại Nghĩa, ấp 7, xã Lê Minh Xuân, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh mua 01 chiếc lắc tay bằng vàng với số tiền 6.660.000 đồng. Số tiền còn lại A tiêu xài.

Khoảng 14 giờ, ngày 03/7/2019 bà I điện thoại liên lạc và giả vờ hẹn gặp A tại cây xăng gần khu công nghiệp Lê Minh Xuân, thuộc tổ 5B ấp 1, xã Lê Minh Xuân, huyện B. A đồng ý và đi đến chỗ hẹn thì bị bà I cùng các ông Phạm Đ, Lý Hoàng K bắt giữ giao cho Công an xã Tân Nhựt.

Theo kết luận định giá tài sản số 3835/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 10/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B thì tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bà I có giá trị là 13.006.534 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 46/2020/HSST, ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 :

Xử phạt: Nguyễn Văn A 5 (Năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 14/5/2020 bị cáo Nguyễn Văn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn A khai nhận đã hiện hành vi như nội dung Bản án sơ thẩm đã mô tả, bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm mà bị cáo Nguyễn Văn A thực hiện, đã nhận định: Bị cáo có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại từ trước, đã đưa bị hại đến khách sạn, dùng lời đe dọa bị hại để thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn của bị hại là hành vi hiếp dâm nhưng bị hại đã bãi nại. Bị cáo đã có hành vi đe dọa bán bị hại qua Campuchia sau đó đe dọa “Muốn giữ vàng hay giữ mạng” làm cho bị hại sợ mà không dám phản kháng để chiếm đoạt tài sản của bị hại, đây là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại, bị cáo mới phạm tội lần đầu, cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 5 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho Nguyễn Văn A cho rằng bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có công việc ổn định và nơi cư trú rõ ràng, khi A hình cần xem xét tuổi đời của bị cáo và số A tài sản bị chiếm đoạt; Khi gặp người thân thì bị hại nói là bị trấn lột, bị cáo cũng không đem theo bất cứ hung khí nào để tấn công bị hại; khách sạn là nơi đông người nên bị hại hoàn toàn có thể la lên để cầu cứu, do đó không có yếu tố dùng vũ lực ngay tức khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” chứ không phải tội “Cướp tài sản”. Vì bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” nên hình phạt áp dụng cho bị cáo cũng thấp hơn.

Viện kiểm sát đối đáp:

Bị cáo đã đe dọa bị hại để giao cầu trái ý muốn, sau đó đe dọa tước đoạt sinh mạng của bị hại “Muốn giữ vàng hay giữ mạng” tức là đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, khiến bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên đề nghị xử phạt bị cáo về tội “Cướp tài sản”.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về tội danh của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn A khai nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà I như đã khai tại giai đoạn sơ thẩm, cụ thể: Sau khi giao cầu trái ý muốn của bà I tại phòng 203 của khách sạn Gold - số 24 đường 2B, ấp 2, xã Tân Nhựt, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xong thì bị cáo dọa bà I: “Nếu không muốn bị bán qua Campuchia thì đưa hết vàng đeo trên người”. Bà I không đồng ý giao vàng thì bị cáo tiếp tục đe dọa: “Muốn giữ vàng hay giữ mạng?” thì bà I sợ nguy hiểm đến tính mạng nên để cho bị cáo lấy nhẫn, lấy vòng đeo tay và tự tay bà tháo lấy dây chuyền đưa cho bị cáo. Như vậy bị cáo đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, làm cho bà I lâm vào tình trạng không thể chống cự được, để chiếm đoạt tài sản của bà. Do đó Bản án sơ thẩm kết tội bị cáo về tội “Cướp tài sản”, theo qui định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, được bị hại bãi nại và bị cáo mới phạm tội lần đầu, nên cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo 5 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ để giảm án cho bị cáo.

[4] Nhận định trên cũng là lập luận để chấp nhận ý kiến tranh luận của Đại diện Viện kiểm sát và không chấp nhận luận cứ bào chữa của Luật sư.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2020/HSST, ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Nguyễn Văn A** 5 (Năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2019.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, tiền án phí hình sự phúc thẩm, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND huyện B; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- THA huyện B; (1)
- TAND huyện B; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, tòa hình sự, hồ sơ (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu